

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1826 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 30 tháng 5 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG về xây dựng
nông thôn mới năm 2016, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 và kế hoạch vốn năm 2016 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (NTM);

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 4/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG NTM giai đoạn 2010-2020; Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình MTQG về NTM giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 195/QĐ-TTg ngày 25/01/2014 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2014; số 131/QĐ-TTg ngày 23/01/2015 về việc giao kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015 thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM; số 592/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 về việc giao vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016;

Căn cứ Công văn số 136/TTg-KTTH ngày 20/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM;

Căn cứ Quyết định số 1893/QĐ-BKHĐT ngày 17/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết dự toán bổ sung có mục tiêu ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các Chương trình MTQG năm 2016;

Căn cứ Công văn số 02/BCĐTW - VPĐP ngày 28/01/2016 của Ban chỉ đạo Trung ương Chương trình MTQG xây dựng NTM về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016;

Căn cứ Công văn số 561/BKHĐT-KTNN ngày 25/01/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Thông báo vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2014-2016 thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng NTM;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: Số 1045/QĐ-UBND ngày 14/04/2014 phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG về xây dựng NTM năm 2014; số 1444/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 phê duyệt phân bổ kế hoạch vốn Chương trình MTQG về xây dựng NTM năm 2015; số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2016 của tỉnh Thanh Hóa; số 721/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 về việc phê duyệt danh sách các xã đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM năm 2014-2016; số 2395/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 về việc bổ sung danh sách các xã đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM năm 2015, năm 2016 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 728/2013/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 về việc ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015; số 3301/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 về việc ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ ý kiến của HĐND tỉnh tại Văn bản số 213/CV-HĐND ngày 17/5/2016 về việc phân bổ vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 117/TTr-VPĐP ngày 12/5/2016 của Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh (kèm theo Công văn số 1640/SKHĐT-KTNN ngày 10/5/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư danh mục dự án khởi công mới năm 2016 thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới năm 2016, tỉnh Thanh Hóa, gồm các nội dung như sau:

1. Về nguồn vốn

- Tổng số vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2016 là 489.935 triệu đồng, trong đó:

+ Vốn trái phiếu Chính phủ (TPCP): 305.000 triệu đồng (*Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

+ Vốn đầu tư phát triển (ĐTPT): 75.800 triệu đồng (*Quyết định số 1893/QĐ-BKHĐT ngày 17/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư*).

+ Vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh: 109.135 triệu đồng (*Quyết định số 5011/QĐ-UBND ngày 30/11/2015 và Quyết định số 5256/2015/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của UBND tỉnh Thanh Hóa*).

2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch

- Thực hiện đúng, đồng bộ các quy định của Chính phủ, các Bộ và UBND tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng NTM. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới; các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; các xã nghèo theo Nghị quyết 30a và xã điểm chỉ đạo của Trung ương.

- Giai đoạn 2016-2020, mỗi xã chỉ được hỗ trợ đầu tư 01 công trình do xã lựa chọn trong các công trình: Trụ sở xã, Trung tâm văn hóa- thể thao xã và Trạm y tế xã; ưu tiên hỗ trợ trước cho các xã có khả năng sớm đạt chuẩn NTM.

- Kết hợp vốn TPCP, vốn ĐTPT và vốn tỉnh: Những xã trong danh sách Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 9/6/2015 của UBND tỉnh đã được hỗ trợ đủ định mức vốn TPCP, nhưng vẫn chưa đủ mức theo chính sách của tỉnh (*quy định tại Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh*) thì bố trí như sau:

+ Đối với danh mục đầu tư năm 2013, năm 2014, bố trí với mức bằng 100% định mức theo chính sách của tỉnh.

+ Đối với danh mục đầu tư năm 2015, bố trí tối đa với mức bằng 70% định mức theo chính sách của tỉnh (*số vốn còn thiếu theo định mức chính sách thì sẽ bố trí vào kế hoạch năm 2017*).

- Đảm bảo bố trí đủ định mức vốn TPCP theo quy định (3 đối tượng/3 mức tương ứng) cho tất các xã trong 3 năm (2014 - 2016) theo hướng dẫn tại Khoản 3, Mục 1 của Văn bản số 582/BNN-KTHT ngày 20/02/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn phân bổ nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM: *Vốn TPCP được giao bình quân cho xã trong 03 năm, căn cứ vào điều kiện và yêu cầu xây dựng NTM của địa phương, các tỉnh, thành phố cần xây dựng phương án phân bổ cụ thể đảm bảo trong thời gian 2014-2016, xã nào cũng được hưởng chính sách theo Quyết định của Thủ tướng, nhưng cần ưu tiên cho các xã có Đề án và dự án phù hợp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, có điều kiện khả năng huy động nguồn lực để thực hiện Đề án, dự án. Tránh tình trạng chia đều bình quân, dẫn đến phân tán vốn, không tập trung nguồn lực; và Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 14/04/2014, Quyết định số 1444/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 nêu trên. Theo đó, nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn TPCP tại Khoản 2, Điều 1 “Đảm bảo định mức vốn TPCP theo quy định cho các xã trong 3 năm (2014-2016), nhưng trong từng năm không phân bổ bình quân mà căn cứ tình hình thực tế để có cơ sở ưu tiên, tập trung hợp lý nhằm tăng nhanh số xã hoàn thành các tiêu chí NTM giai đoạn 2014-2016. Đây là năm thứ 3, nên xã nào còn thiếu hoặc chưa được hỗ trợ theo định mức thì lần này phân bổ đủ theo định mức.*

Tiếp tục ưu tiên hỗ trợ vốn TPCP để hoàn thành Trường học cho xã Mường Chanh (*xã chỉ đạo điểm của Trung ương*).

- Vốn ĐTPT: Ưu tiên thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình được hỗ trợ năm 2015 nhưng chưa đủ định mức theo chính sách (*quy định tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh*), với mức bằng 70% định mức theo chính sách của tỉnh (*số vốn còn thiếu theo định mức chính sách thì sẽ bố trí vào kế hoạch năm 2017*).

Hỗ trợ một phần để thực hiện đầu tư đảm bảo sự kết nối liên tục, không bị gián đoạn cho những năm sau cho các công trình đã được UBND tỉnh đồng ý chủ trương đầu tư năm 2015, năm 2016 và xã, huyện đã có đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 theo chính sách NTM quy định tại Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh.

- Vốn sự nghiệp kinh tế của tỉnh: Tập trung thanh toán khối lượng hoàn thành cho các công trình được hỗ trợ giai đoạn 2013-2014, với mức bằng 100%

và hỗ trợ (thưởng) cho các xã đạt chuẩn NTM năm 2015 theo chính sách quy định tại Quyết định số 728/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 của UBND tỉnh.

3. Phương án phân bổ

Tổng số vốn kế hoạch năm 2016 là 489.935 triệu đồng, dự kiến phân bổ theo phương án sau:

- Hỗ trợ theo chính sách của tỉnh cho 68 xã đạt chuẩn NTM năm 2015 với mức hỗ trợ 1.000 triệu đồng/xã, tổng số vốn hỗ trợ là 68.000 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

- Hỗ trợ đầu tư 251 công trình với tổng số vốn hỗ trợ là 344.485 triệu đồng, trong đó:

- + Thanh toán khối lượng hoàn cho 98 công trình/96 xã (*Trụ sở xã: 34 công trình; Trạm y tế: 4 công trình; Trung tâm văn hóa - thể thao xã: 59 công trình; Trường học: 01 công trình*) trong danh mục hỗ trợ đầu tư năm 2013, năm 2014 bố trí vốn tỉnh, với mức bằng 100% định mức theo chính sách của tỉnh; bố trí vốn ĐTPT, với mức bằng 70% định mức theo chính sách của tỉnh cho danh mục hỗ trợ đầu tư năm 2015 và tiếp tục ưu tiên hỗ trợ vốn TPCP để hoàn thành Trường học cho xã Muồng Chanh (*xã chỉ đạo điểm của Trung ương*). Tổng số vốn hỗ trợ là 94.135 triệu đồng.

- + Hỗ trợ đầu tư nâng cấp, cải tạo và xây mới 90 công trình/90 xã (*Trụ sở xã: 29 công trình; Trạm y tế: 13 công trình; Trung tâm văn hóa - thể thao xã: 43 công trình; Trường học: 02 công trình và 03 tuyến đường giao thông*) cho các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, bãi ngang, biên giới, các xã chưa được hỗ trợ đủ định mức vốn TPCP theo quy định của Trung ương và các xã thuộc danh sách phần đầu đạt chuẩn NTM đến năm 2016 theo Quyết định 721/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 đã được UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo. Tổng số vốn hỗ trợ là 198.100 triệu đồng.

- + Hỗ trợ 62 công trình/62 xã để thực hiện đầu tư (*Trụ sở xã: 25 công trình; Trạm y tế: 06 công trình; Trung tâm văn hóa - thể thao xã: 30 công trình và 01 tuyến đường giao thông nông thôn*) cho các xã thuộc đối tượng hỗ trợ xi măng 2 năm trước, nay huyện, xã đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020 theo quy định tại Thông tư 40/TT-BNNPTNT ngày 13/11/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT (*không thuộc các xã đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM đến năm 2016 theo Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 18/3/2014 và Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 29/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh*) với mức bằng 25% định mức hỗ trợ theo chính sách của tỉnh. Tổng số vốn hỗ trợ là 51.250 triệu đồng.

- + Hỗ trợ xây dựng mới Nhà truyền thống cho xã Nga An được Thủ tướng Chính phủ thưởng tại Quyết định số 721/QĐ-TTg ngày 16/5/2014, với số vốn là: 1.000 triệu đồng từ vốn TPCP.

(Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

- Hỗ trợ cho 194 xã kinh phí mua xi măng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2016, với số vốn là 77.450 triệu đồng từ vốn TPCP.

. (Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo chi tiết mức vốn, mục tiêu đầu tư để các đơn vị triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Xây dựng; Chánh Văn phòng Điều phối xây dựng NTM tỉnh; Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH&ĐT, NN&PTNT, TC (để báo cáo);
- BCD TW Chương trình MTQG XD NTM (để báo cáo);
- T. Trục Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/cáo);
- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ 68 XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số 1826/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn Trái phiếu Chính phủ	Vốn ngân sách tỉnh	
	TỔNG SỐ	68.000		68.000	- Giao sở Tài chính cấp vốn theo phương thức ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện để thực hiện. - Giao UBND cấp huyện Quyết định bổ sung vốn có mục tiêu cho ngân sách xã để thanh toán các hạng mục đầu tư thuộc đối tượng đầu tư bằng ngân sách nhà nước, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới
1	TP Thanh Hóa	2.000		2.000	
1.1	Xã Quảng Thịnh	1.000		1.000	
1.2	Xã Thiệu Dương	1.000		1.000	
2	Huyện Yên Định	15.000		15.000	
2.1	Xã Định Tăng	1.000		1.000	
2.2	Xã Yên Lâm	1.000		1.000	
2.3	Xã Yên Tâm	1.000		1.000	
2.4	Xã Yên Bái	1.000		1.000	
2.5	Xã Định Hưng	1.000		1.000	
2.6	Xã Định Tiến	1.000		1.000	
2.7	Xã Yên Giang	1.000		1.000	
2.8	Xã Yên Phú	1.000		1.000	
2.9	Xã Yên Trung	1.000		1.000	
2.10	Xã Định Hải	1.000		1.000	
2.11	Xã Định Thành	1.000		1.000	
2.12	Xã Yên Hùng	1.000		1.000	
2.13	Xã Định Liên	1.000		1.000	
2.14	Xã Yên Thái	1.000		1.000	
2.15	Xã Yên Thọ	1.000		1.000	
3	Huyện Nông Cống	3.000		3.000	
3.1	Xã Hoàng Giang	1.000		1.000	
3.2	Xã Trung Chính	1.000		1.000	
3.3	Xã Minh Nghĩa	1.000		1.000	

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:	Vốn ngân sách tỉnh	
			Vốn Trái phiếu Chính phủ		
4	Huyện Hoàng Hóa	6.000		6.000	
4.1	Xã Hoàng Phúc	1.000		1.000	
4.2	Xã Hoàng Trung	1.000		1.000	
4.3	Xã Hoàng Vinh	1.000		1.000	
4.4	Xã Hoàng Ngọc	1.000		1.000	
4.5	Xã Hoàng Xuân	1.000		1.000	
4.6	Xã Hoàng Lương	1.000		1.000	
5	Huyện Thọ Xuân	4.000		4.000	
5.1	Xã Xuân Minh	1.000		1.000	
5.2	Xã Xuân Trường	1.000		1.000	
5.3	Xã Xuân Hòa	1.000		1.000	
5.4	Xã Xuân Lam	1.000		1.000	
6	Huyện Nga Sơn	4.000		4.000	
6.1	Xã Nga Hưng	1.000		1.000	
6.2	Xã Nga Yên	1.000		1.000	
6.3	Xã Nga Mỹ	1.000		1.000	
6.4	Xã Nga Lĩnh	1.000		1.000	
7	Huyện Vĩnh Lộc	1.000		1.000	
7.1	Xã Vĩnh Minh	1.000		1.000	
8	Huyện Quảng Xương	7.000		7.000	
8.1	Xã Quảng Bình	1.000		1.000	
8.2	Xã Quảng Trạch	1.000		1.000	
8.3	Xã Quảng Ngọc	1.000		1.000	
8.4	Xã Quảng Hòa	1.000		1.000	
8.5	Xã Quảng Đức	1.000		1.000	
8.6	Xã Quảng Ninh	1.000		1.000	
8.7	Xã Quảng Vọng	1.000		1.000	
9	Huyện Đông Sơn	1.000		1.000	
9.1	Xã Đông Ninh	1.000		1.000	
10	Huyện Hậu Lộc	2.000		2.000	
10.1	Xã Đại Lộc	1.000		1.000	
10.2	Xã Minh Lộc	1.000		1.000	
11	Huyện Tĩnh Gia	2.000		2.000	

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn Trái phiếu Chính phủ	Vốn ngân sách tỉnh	
11.1	Xã Bình Minh	1.000		1.000	
11.2	Xã Hải Châu	1.000		1.000	
12	Huyện Hà Trung	3.000		3.000	
12.1	Xã Hà Lai	1.000		1.000	
12.2	Xã Hà Long	1.000		1.000	
12.3	Xã Hà Văn	1.000		1.000	
13	Huyện Thiệu Hóa	4.000		4.000	
13.1	Xã Thiệu Hợp	1.000		1.000	
13.2	Xã Thiệu Đô	1.000		1.000	
13.3	Xã Thiệu Tiến	1.000		1.000	
13.4	Xã Thiệu Phú	1.000		1.000	
14	Huyện Thạch Thành	2.000		2.000	
14.1	Xã Thành Hưng	1.000		1.000	
14.2	Xã Thành Vân	1.000		1.000	
15	Huyện Như Thanh	2.000		2.000	
15.1	Xã Yên Thọ	1.000		1.000	
15.2	Xã Phú Nhuận	1.000		1.000	
16	Huyện Ngọc Lặc	1.000		1.000	
16.1	Xã Ngọc Liên	1.000		1.000	
17	Huyện Thường Xuân	1.000		1.000	
17.1	Xã Ngọc Phụng	1.000		1.000	
18	Huyện Cẩm Thủy	2.000		2.000	
18.1	Xã Cẩm Tú	1.000		1.000	
18.2	Xã Cẩm Tân	1.000		1.000	
19	Huyện Như Xuân	1.000		1.000	
19.1	Xã Bãi Trành	1.000		1.000	
20	Huyện Triệu Sơn	4.000		4.000	
20.1	Xã Văn Sơn	1.000		1.000	
20.2	Xã Minh Sơn	1.000		1.000	
20.3	Xã Đồng Thắng	1.000		1.000	
20.4	Xã Đồng Tiến	1.000		1.000	
21	Thị xã Sầm Sơn	1.000		1.000	
21.1	Xã Quảng Đại	1.000		1.000	

KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÔNG TRÌNH CHO CÁC XÃ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số: 1826 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2016				Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Vốn Trái phiếu Chính phủ	Vốn đầu tư phát triển	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
	TỔNG CỘNG		344.485	227.550	75.800	41.135	
A	Các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, bãi ngang, biên giới, ATK, 30a và xã điểm theo chỉ đạo của Trung ương		148.700	147.700	1.000		
I	Huyện Mường Lát		9.650	9.650			
1	Xã Mường Chanh (xã điểm theo chỉ đạo của Trung ương)		2.150	2.150			
-	Xây dựng trường trung học cơ sở xã Mường Chanh	UBND huyện Mường Lát	2.150	2.150			Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Trung Lý		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao	UBND xã Trung Lý	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Nhi Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao	UBND xã Nhi Sơn	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Pù Nhi		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao	UBND xã Pù Nhi	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
II	Huyện Quan Sơn		12.200	11.200	1.000		
1	Xã Sơn Lư		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Sơn Lư	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
2	Xã Sơn Thủy		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Sơn Thủy	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Mường Mìn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Mường Mìn	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Trung Xuân		1.850	1.850			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Trung Xuân	1.850	1.850			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Sơn Điện		1.850	1.850			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Sơn Điện	1.850	1.850			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
6	Xã Na Mèo		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Na Mèo	1.000		1.000		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
III	Huyện Quan Hóa		21.850	21.850			
1	Xã Phú Lệ		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Phú Lệ	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Thanh Xuân		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thanh Xuân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Trung Thành		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Trung Thành	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Trung Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Trung Sơn	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
5	Xã Phú Thanh		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Phú Thanh	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
6	Xã Nam Xuân		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm Y tế xã	UBND xã Nam Xuân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
7	Xã Nam Động		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Nam Động	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
8	Xã Hiền Kiệt		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hiền Kiệt	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
9	Xã Nam Tiến		1.850	1.850			
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn	UBND xã Nam Tiến	1.850	1.850			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
IV	Huyện Bá Thước		25.000	25.000			
1	Xã Lũng Cao		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Lũng Cao	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Lương Ngoại		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Lương Ngoại	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Cổ Lũng		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Cổ Lũng	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Văn Nho		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Văn Nho	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Kỳ Tân		2.500	2.500			

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Kỳ Tân	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
6	Xã Thành Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thành Sơn	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
7	Xã Lâm Xa		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Lâm Xa	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
8	Xã Lương Nội		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Lương Nội	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
9	Xã Ái Thượng		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Ái Thượng	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
10	Xã Lương Trung		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Lương Trung	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
V	Huyện Thường Xuân		17.500	17.500			
1	Xã Luận Khê		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Luận Khê	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Bát Mọt		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Bát Mọt	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Yên Nhân		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Yên Nhân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Xuân Chinh		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Xuân Chinh	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Xuân Lộc		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Xuân Lộc	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
6	Xã Tân Thành		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Tân Thành	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
7	Xã Xuân Cao		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Xuân Cao	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
VI	Huyện Như Thanh		7.500	7.500			
1	Xã Xuân Thái		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Xuân Thái	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Thanh Tân		2.500	2.500			
-	Đường giao thông liên thôn	UBND xã Thanh Tân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Xuân Thọ		2.500	2.500			
-	Đường giao thông liên thôn	UBND xã Xuân Thọ	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
VII	Huyện Như Xuân		17.500	17.500			
1	Xã Thanh Phong		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thanh Phong	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Thanh Lâm		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thanh Lâm	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Cát Vân		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Cát Vân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Thanh Hòa		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thanh Hòa	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Hoá Quý		2.500	2.500			

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hoà Quý	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
6	Xã Xuân Hòa		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Xuân Hòa	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
7	Xã Thanh Xuân		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thanh Xuân	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
VIII	Huyện Lang Chánh		5.000	5.000			
1	Xã Yên Thắng		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Yên Thắng	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Tam Văn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Tam Văn	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
IX	Huyện Thạch Thành		2.500	2.500			
1	Xã Thạch Lâm		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới Trụ sở xã	UBND xã Thạch Lâm	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
X	Huyện Ngọc Lặc		2.500	2.500			
1	Xã Ngọc Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Ngọc Sơn	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XI	Huyện Triệu Sơn		2.500	2.500			
1	Xã Bình Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Bình Sơn	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XII	Huyện Nga Sơn		2.500	2.500			
1	Xã Nga Tiến		2.500	2.500			

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Nga Tiến	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XIII	Huyện Hoàng Hóa		5.000	5.000			
1	Xã Hoàng Thanh		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hoàng Thanh	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Hoàng Phụ		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hoàng Phụ	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XIV	Huyện Tĩnh Gia		17.500	17.500			
1	Xã Hải Hòa		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Hải Hòa	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Ninh Hải		2.500	2.500			
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã và mở rộng khu trung tâm xã	UBND xã Ninh Hải	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
3	Xã Hải An		2.500	2.500			
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã và mở rộng khu trung tâm xã	UBND xã Hải An	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Hải Ninh		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hải Ninh	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Tĩnh Hải		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Tĩnh Hải	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
6	Xã Tân Trường		2.500	2.500			

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Tân Trường	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
7	Xã Phú Sơn		2.500	2.500			
-	Xây dựng trường mầm non	UBND xã Phú Sơn	2.500	2.500			Giao UBND huyện Tĩnh Gia chỉ đạo UBND xã Phú Sơn lập dự toán Trường mầm non cho phù hợp với mức vốn giao
B	Các xã thuộc diện đặc biệt khó khăn, bãi ngang, 30a đăng ký phần đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016-2020		28.500	27.500	1.000		
I	Huyện Như Xuân		2.500	2.500			
1	Xã Xuân Bình		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Xuân Bình	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
II	Huyện Bá Thước		5.000	5.000			
1	Xã Tân Lập		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Tân Lập	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Lũng Niêm		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Lũng Niêm	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
III	Huyện Ngọc Lặc		2.500	2.500			
1	Xã Phúc Thịnh		2.500	2.500			
-	Xây mới trạm y tế xã	UBND xã Phúc Thịnh	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
IV	Huyện Như Thanh		5.000	5.000			
1	Xã Cán Khê		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Cán Khê	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn Chương trình 135 và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Xuân Khang		2.500	2.500			

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Xuân Khang	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
V	Huyện Hậu Lộc		3.500	2.500	1.000		
1	Xã Hải Lộc		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Hải Lộc	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Hưng Lộc		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hưng Lộc	1.000		1.000		Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai, thực hiện
VI	Huyện Quảng Xương		5.000	5.000			
1	Xã Quảng Lưu		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Quảng Lưu	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Quảng Lợi (Xã thuộc QĐ 721/QĐ-UBND)		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Quảng Lợi	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
VII	Thị xã Sầm Sơn		5.000	5.000			
1	Xã Quảng Hùng		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Quảng Hùng	2.500	2.500			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
2	Xã Quảng Vinh		2.500	2.500			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Quảng Vinh	2.500	2.500			Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu xã bãi ngang và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
C	Các xã đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2016 theo QĐ 721/QĐ-UBND và QĐ 2395/QĐ-UBND của UBND tỉnh		116.035	27.700	47.200	41.135	
I	Thành phố Thanh Hóa		3.300	850	1.000	1.450	
1	Xã Thiệu Khánh		1.850		400	1.450	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thiệu Khánh	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thiệu Khánh	800		400	400	Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của thành phố, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Thiệu Văn		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thiệu Văn	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Quảng Thịnh		250	250			
-	Xây dựng trạm y tế xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Thịnh	250	250			Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Thiệu Dương		600	600			
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Thiệu Dương	600	600			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của thành phố, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
II	Huyện Yên Định		18.350	6.350	7.800	4.200	
1	Xã Định Bình		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà văn hóa trung tâm; nhà luyện tập thi đấu thể thao; sân vận động và các công trình phụ trợ thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Định Bình	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Định Long		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà văn hóa đa năng thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Định Long	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Định Hòa		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Định Hòa	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Định Tường		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Định Tường	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Yên Lâm		800		800		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Lâm	800		800		Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Định Hải		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Định Hải	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Xã Định Tiến		600		600		

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Định Tiến	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
8	Xã Yên Ninh		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Ninh	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
9	Xã Yên Bái		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Bái	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
10	Xã Yên Trung		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Trung	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
11	Xã Định Hưng		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Định Hưng	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
12	Xã Định Tăng		700	200	500		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Định Tăng	700	200	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
13	Xã Yên Tâm		1.800	1.300	500		
-	Xây dựng trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Tâm	1.800	1.300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
14	Xã Yên Giang		1.800	1.300	500		
-	Xây dựng trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Giang	1.800	1.300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
15	Xã Yên Phú		1.800	1.300	500		
-	Xây dựng trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Phú	1.800	1.300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
16	Xã Yên Hùng		1.800	1.300	500		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa- thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Hùng	1.800	1.300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
17	Xã Yên Thọ		1.850	950	900		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa- thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Yên Thọ	1.850	950	900		Thanh toán khối lượng hoàn thành
III	Huyện Thọ Xuân		10.950	4.900	2.300	3.750	
1	Xã Hạnh Phúc (xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		300			300	

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hạnh Phúc	300			300	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Thọ Xương (xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		350			350	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thọ Xương	350			350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Xuân Giang (xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		1.000			1.000	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2013)	UBND xã Xuân Giang	1.000			1.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Xuân Trường		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Xuân Trường	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Xuân Lam		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Xuân Lam	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Tây Hồ		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Tây Hồ	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Xã Xuân Hòa		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Xuân Hòa	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
8	Xã Xuân Minh		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Xuân Minh	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
9	Xã Xuân Vinh		1.800	1.300	500		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Xuân Vinh	1.800	1.300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
10	Xã Thọ Nguyễn		1.800	1.800			
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thọ Nguyễn	1.800	1.800			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
11	Xã Nam Giang		1.800	1.800			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Nam Giang	1.800	1.800			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
IV	Huyện Thiệu Hóa		2.700		600	2.100	
1	Xã Thiệu Tâm		1.050			1.050	

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thiệu Tâm	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Thiệu Công		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thiệu Công	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Thiệu Tiến		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thiệu Tiến	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
V	Huyện Vĩnh Lộc		2.200		2.200		
1	Xã Vĩnh Yên		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Vĩnh Yên	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Vĩnh Tân		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Vĩnh Tân	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Vĩnh Minh		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Vĩnh Minh	1.000		1.000		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
VI	Huyện Triệu Sơn		6.150	650	3.400	2.100	
1	Xã Thái Hòa		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thái Hòa	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Đồng Tiến		2.050		1.000	1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Đồng Tiến	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã		1.000		1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Minh Sơn		600		600		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Minh Sơn	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Thọ Vực		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thọ Vực	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Đồng Lợi		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Đồng Lợi	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
6	Xã Đồng Thắng		600		600		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Đồng Thắng	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Xã Thọ Phú		650	650			
-	Nâng cấp, cải tạo trường trung học cơ sở	UBND xã Thọ Phú	650	650			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
VII	Huyện Đông Sơn		600		600		
1	Xã Đông Anh		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Đông Anh	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
VIII	Huyện Nông Cống		2.250		1.200	1.050	
1	Xã Minh Nghĩa		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Minh Nghĩa	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Hoàng Giang		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hoàng Giang	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Vạn Thiện		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Vạn Thiện	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
IX	Huyện Hà Trung		6.000	2.100	1.700	2.200	
1	Xã Hà Châu		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hà Châu	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Hà Long		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hà Long	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Hà Lai		800	300	500		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hà Lai	800	300	500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Hà Toại		1.800	1.800			
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hà Toại	1.800	1.800			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
5	Xã Hà Văn		1.700			1.700	

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hà Vân	1.700			1.700	Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Hà Lĩnh		500			500	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hà Lĩnh	500			500	Thanh toán khối lượng hoàn thành
X	Huyện Nga Sơn		6.450	3.350	400	2.700	
1	Xã Nga Hưng		2.050		400	1.650	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Nga Hưng	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã		1.000		400	600	Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Nga Yên		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Nga Yên	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Nga Mỹ (Xã thuộc QĐ 721/QĐ-UBND)		1.800	1.800			
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa- thể thao xã	UBND xã Nga Mỹ	1.800	1.800			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
4	Xã Nga An (Xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		1.000	1.000			
-	Xây dựng Nhà truyền thống (Thuởng công trình phúc lợi theo Quyết định 721/QĐ-TTg ngày 16/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ)	UBND xã Nga An	1.000	1.000			Giao Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện thanh toán và giải ngân nguồn vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định hiện hành; giao UBND xã Nga An quản lý, sử dụng kinh phí thường đúng mục đích
5	Xã Nga Thạch		550	550			
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã	UBND xã Nga Thạch	550	550			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XI	Huyện Hậu Lộc		5.950	950	3.600	1.400	
1	Xã Phú Lộc (xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		350			350	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Phú Lộc	350			350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Quang Lộc		2.050		1.000	1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Quang Lộc	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã		1.000		1.000		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Đại Lộc		600		600		

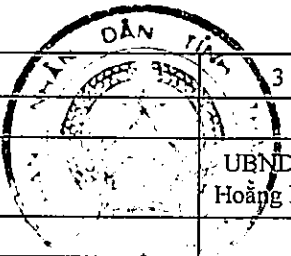
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa- thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Đại Lộc	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Mỹ Lộc		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Mỹ Lộc	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Hoa Lộc		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hoa Lộc	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Lộc Tân		1.750	950	800		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa -thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Lộc Tân	1.750	950	800		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XII	Huyện Hoàng Hoa		11.950	2.850	4.250	4.850	
1	Xã Hoàng Ngọc		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hoàng Ngọc	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Hoàng Xuân		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục sân vận động thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hoàng Xuân	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Hoàng Phúc		1.050			1.050	
-	Xây mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hoàng Phúc	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Hoàng Lộc		600		600		
-	Xây mới hạng mục nhà hội trường, sân vận động thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hoàng Lộc	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Hoàng Lương		600		600		
-	Xây dựng sân vận động thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hoàng Lương	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Hoàng Thịnh		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hoàng Thịnh	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Xã Hoàng Đạt		600		600		
-	Xây mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hoàng Đạt	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
8	Xã Hoàng Hợp		1.700			1.700	
-	Xây mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hoàng Hợp	1.700			1.700	Thanh toán khối lượng hoàn thành
9	Xã Hoàng Đức		1.750	950	800		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hoàng Đức	1.750	950	800		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
10	Xã Hoàng Phượng		1.750	950	800		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hoàng Phượng	1.750	950	800		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
11	Xã Hoàng Trinh		1.200	950	250		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Hoàng Trinh	1.200	950	250		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XIII	Huyện Quảng Xương		11.750	5.600	3.700	2.450	
1	Xã Quảng Tân (xã đạt chuẩn NTM năm 2013)		350			350	
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Quảng Tân	350			350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Quảng Phong		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Quảng Phong	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Quảng Bình		1.050			1.050	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Quảng Bình	1.050			1.050	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Quảng Hòa		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Hòa	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
5	Xã Quảng Long		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Long	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
6	Xã Quảng Trạch		600		600		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Trạch	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Xã Quảng Ngọc		600		600		

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Ngọc	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
8	Xã Quảng Ninh		1.750	950	800		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Quảng Ninh	1.750	950	800		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
9	Xã Quảng Trường		1.200	950	250		
-	Xây dựng trạm y tế xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng	1.200	950	250		Thanh toán khối lượng hoàn thành
10	Xã Quảng Đức		1.200	950	250		
-	Xây dựng trạm y tế xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Đức	1.200	950	250		Thanh toán khối lượng hoàn thành
11	Xã Quảng Vọng		950	950			
-	Hoàn thiện mặt bằng sân thể thao thuộc trung tâm văn hóa-thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Quảng Vọng	950	950			Thanh toán khối lượng hoàn thành
12	Xã Quảng Yên		1.800	1.800			
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Quảng Yên	1.800	1.800			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để hoàn thành công trình và quyết toán theo quy định
XIV	Huyện Tĩnh Gia		3.900		1.200	2.700	
1	Xã Hải Châu		1.350			1.350	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Hải Châu	1.350			1.350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Bình Minh		1.350			1.350	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Bình Minh	1.350			1.350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Ngọc Lĩnh		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Ngọc Lĩnh	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Thanh Thủy		600		600		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thanh Thủy	600		600		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XV	Huyện Thạch Thành		4.300	100	3.000	1.200	
1	Xã Thạch Bình		1.200			1.200	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Thạch Bình	1.200			1.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
2	Xã Thành Hưng		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thành Hưng	1.000		1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Thành Vân		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thành Vân	1.000		1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Thành Long		1.100	100	1.000		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Thành Long	1.100	100	1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XVI	Huyện Cẩm Thủy		2.400		1.000	1.400	
1	Xã Cẩm Vân		1.200			1.200	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Cẩm Vân	1.200			1.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Cẩm Tú		200			200	
-	Xây dựng mới trạm y tế xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Cẩm Tú	200			200	Thanh toán khối lượng hoàn thành
3	Xã Cẩm Bình		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Cẩm Bình	1.000		1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XVII	Huyện Như Thanh		8.485		4.250	4.235	
1	Xã Phú Nhuận		2.550		1.350	1.200	
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Phú Nhuận	1.200			1.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)		1.350		1.350		Thanh toán khối lượng hoàn thành
2	Xã Hải Long		2.200		2.200		
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Hải Long	1.200		1.200		Thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã		1.000		1.000		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Yên Thọ		1.535		700	835	
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Yên Thọ	1.535		700	835	Thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Xã Xuân Du		2.200			2.200	

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Xuân Du	2.200			2.200	Thanh toán khối lượng hoàn thành
XVIII	Huyện Như Xuân		1.350			1.350	
1	Xã Bãi Trành		1.350			1.350	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Bãi Trành	1.350			1.350	Thanh toán khối lượng hoàn thành
XIX	Huyện Thường Xuân		1.500		1.500		
1	Xã Ngọc Phụng		1.500		1.500		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Ngọc Phụng	1.500		1.500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XX	Huyện Quan Hóa		1.500		1.500		
1	Xã Xuân Phú		1.500		1.500		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2015)	UBND xã Xuân Phú	1.500		1.500		Thanh toán khối lượng hoàn thành
XXI	Huyện Lang Chánh		2.000			2.000	
1	Xã Giao An		2.000			2.000	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Giao An	2.000			2.000	Thanh toán khối lượng hoàn thành
XXII	Huyện Bá Thước		1.000		1.000		
1	Xã Điền Lư		1.000		1.000		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Điền Lư	1.000		1.000		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XXIII	Thị xã Sầm Sơn		1.000		1.000		
1	Xã Quảng Đại						
-	Xây dựng mới trụ sở xã (Công trình khởi công năm 2014)	UBND xã Quảng Đại	1.000		1.000		Thanh toán khối lượng hoàn thành
D	Xã 2 năm 2014, 2015 nhận xi măng, nay đăng ký đầu đạt chuẩn NTM giai đoạn 2016 - 2020		51.250	24.650	26.600		
I	Thành phố Thanh Hóa		2.400	1.200	1.200		
1	Xã Quảng Đông		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Quảng Đông	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện



1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
2	Xã Hoàng Long		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hoàng Long	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Đông Tân		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Đông Tân	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
II	Huyện Yên Định		2.400	1.200	1.200		
1	Xã Định Thành (Xã đã đạt chuẩn NTM năm 2015)		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Định Thành	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Yên Thái (Xã đã đạt chuẩn NTM năm 2015)		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Yên Thái	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Yên Thịnh		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Yên Thịnh	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
III	Huyện Ngọc Lặc		1.600	800	800		
1	Xã Lam Sơn		800	400	400		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Lam Sơn	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Ngọc Trung		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Ngọc Trung	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
IV	Huyện Nông Cống		2.250	1.200	1.050		
1	Xã Vạn Hòa		650	400	250		
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã	UBND xã Vạn Hòa	650	400	250		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Thăng Long		800	400	400		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Thăng Long	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Tượng Sơn		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Tượng Sơn	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện

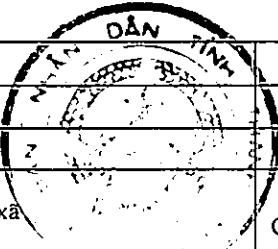
1	2		4=5+6+7	5	6	7	
V	Huyện Hoàng Hóa		8.850	3.850	5.000		
1	Xã Hoàng Đông		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hoàng Đông	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Hoàng Đạo		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hoàng Đạo	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Hoàng Phong		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Hoàng Phong	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Hoàng Lưu		850	400	450		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa- thể thao xã	UBND xã Hoàng Lưu	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
5	Xã Hoàng Phú		850	400	450		
-	Xây dựng sân vận động thuộc trung tâm văn hóa- thể thao xã	UBND xã Hoàng Phú	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
6	Xã Hoàng Khánh		1.200	400	800		
-	Xây dựng trụ sở xã	UBND xã Hoàng Khánh	1.200	400	800		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
7	Xã Hoàng Quý		850	400	450		
-	Xây dựng sân vận động thuộc trung tâm văn hóa- thể thao xã	UBND xã Hoàng Quý	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
8	Xã Hoàng Quỳ		850	250	600		
-	Xây dựng trụ sở xã	UBND xã Hoàng Quỳ	850	250	600		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
9	Xã Hoàng Sơn		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa thể thao xã	UBND xã Hoàng Sơn	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
10	Xã Hoàng Giang		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Hoàng Giang	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
VI	Huyện Thọ Xuân		4.250	2.000	2.250		
1	Xã Bắc Lương		850	400	450		

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Bắc Lương	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Xuân Bái		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Xuân Bái	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Xuân Châu		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Xuân Châu	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Xuân Tín		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Xuân Tín	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
5	Xã Xuân Lập		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Xuân Lập	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
VII	Huyện Thiệu Hóa		3.800	2.000	1.800		
1	Xã Thiệu Lý		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thiệu Lý	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Thiệu Long		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thiệu Long	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Thiệu Nguyên		850	400	450		
-	Xây dựng trụ sở xã	UBND xã Thiệu Nguyên	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Thiệu Châu		850	400	450		
-	Xây dựng trụ sở xã	UBND xã Thiệu Châu	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
5	Xã Thiệu Giao		400	400			
-	Xây dựng đường giao thông nông thôn	UBND xã Thiệu Giao	400	400			Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
VIII	Huyện Đông Sơn		3.400	1.600	1.800		
1	Xã Đông Hoàng		850	400	450		

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Đông Hoàng	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Đông Nam		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Đông Nam	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Đông Yên		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Đông Yên	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Đông Thịnh		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Đông Thịnh	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
IX	Huyện Hậu Lộc		1.700	800	900		
1	Xã Hòa Lộc		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Hòa Lộc	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Thành Lộc		850	400	450		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thành Lộc	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
X	Huyện Thạch Thành		1.600	800	800		
1	Xã Thành Kim		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Thành Kim	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Thạch Định		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thạch Định	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XI	Huyện Như Thanh		800	400	400		
1	Xã Hải Vân		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hải Vân	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XII	Huyện Tĩnh Gia		1.600	800	800		
1	Xã Các Sơn		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Các Sơn	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
2	Xã Hải Thanh		800	400	400		
-	Xây dựng mới Trạm y tế xã	UBND xã Hải Thanh	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XIII	Huyện Nga Sơn		3.050	1.600	1.450		
1	Xã Nga Phú		800	400	400		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Nga Phú	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Ba Đình		800	400	400		
-	Xây dựng mới trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Ba Đình	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Nga Trung		800	400	400		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Nga Trung	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Nga Hải		650	400	250		
-	Nâng cấp, cải tạo trụ sở xã	UBND xã Nga Hải	650	400	250		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XIV	Huyện Quảng Xương		5.050	2.400	2.650		
1	Xã Quảng Nhân		850	400	450		
-	Xây dựng trạm y tế xã	UBND xã Quảng Nhân	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Quảng Định		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Quảng Định	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Quảng Chính		800	400	400		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Quảng Chính	800	400	400		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
4	Xã Quảng Trung		850	400	450		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Quảng Trung	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
5	Xã Quảng Lĩnh		850	400	450		
-	Xây dựng mới trạm y tế xã	UBND xã Quảng Lĩnh	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
6	Xã Quảng Lộc		850	400	450		

1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Quảng Lộc	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XV	Huyện Triệu Sơn		2.550	1.200	1.350		
1	Xã Thọ Ngọc		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Thọ Ngọc	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Tân Ninh		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Tân Ninh	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
3	Xã Xuân Thọ		850	400	450		
-	Xây dựng mới hạng mục nhà hội trường thuộc trung tâm văn hóa - thể thao xã.	UBND xã Xuân Thọ	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XVI	Huyện Cẩm Thủy		1.700	800	900		
1	Xã Phúc Do		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Phúc Do	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Cẩm Giang		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Cẩm Giang	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XVII	Huyện Hà Trung		1.700	800	900		
1	Xã Hà Sơn		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hà Sơn	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Hà Ninh		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Hà Ninh	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
XVIII	Huyện Vĩnh Lộc		1.700	800	900		
1	Xã Vĩnh An		850	400	450		
-	Xây dựng mới trụ sở xã	UBND xã Vĩnh An	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện
2	Xã Vĩnh Thịnh		850	400	450		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Vĩnh Thịnh	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện



1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	
XIX	TX Sầm Sơn		850	400	450		
I	Xã Quảng Châu		850	400	450		
-	Xây dựng trung tâm văn hóa - thể thao xã	UBND xã Quảng Châu	850	400	450		Kết hợp với các nguồn vốn huy động hợp pháp khác của huyện, xã để triển khai thực hiện

**KẾ HOẠCH VỐN HỖ TRỢ KINH PHÍ MUA XI MĂNG CHO CÁC XÃ THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MTQG VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số: 1826/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính : Triệu đồng

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn Trái phiếu Chính phủ	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	
	TỔNG SỐ	77.450	77.450		Giao Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa thực hiện thanh toán và giải ngân nguồn vốn trái phiếu Chính phủ theo quy định hiện hành
I	Huyện Thiệu Hóa	6.000	6.000		
1	Xã Thiệu Tân	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Thiệu Thịnh	400	400		- nt -
3	Xã Thiệu Minh	400	400		- nt -
4	Xã Thiệu Chính	400	400		- nt -
5	Xã Thiệu Phúc	400	400		- nt -
6	Xã Thiệu Thành	400	400		- nt -
7	Xã Thiệu Duy	400	400		- nt -
8	Xã Thiệu Viên	400	400		- nt -
9	Xã Thiệu Ngọc	400	400		- nt -
10	Xã Thiệu Hoà	400	400		- nt -
11	Xã Thiệu Quang	400	400		- nt -
12	Xã Thiệu Toán	400	400		- nt -
13	Xã Thiệu Giang	400	400		- nt -
14	Xã Thiệu Vũ	400	400		- nt -
15	Xã Thiệu Vận	400	400		- nt -
II	Huyện Yên Định	800	800		
1	Xã Định Công	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Yên Lạc	400	400		- nt -
III	Huyện Hậu Lộc	4.400	4.400		
1	Xã Lộc Sơn	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Triệu Lộc	400	400		- nt -
3	Xã Tiến Lộc	400	400		- nt -
4	Xã Tuy Lộc	400	400		- nt -
5	Xã Thịnh Lộc	400	400		- nt -
6	Xã Châu Lộc	400	400		- nt -
7	Xã Đồng Lộc	400	400		- nt -
8	Xã Phong Lộc	400	400		- nt -
9	Xã Thuần Lộc	400	400		- nt -
10	Xã Cầu Lộc	400	400		- nt -
11	Xã Xuân Lộc	400	400		- nt -
IV	Huyện Thạch Thành	4.800	4.800		
1	Xã Thạch Quảng	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Thạch Cẩm	400	400		- nt -
3	Xã Thạch Sơn	400	400		- nt -

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Trong đó:			
		Tổng số	Vốn trái phiếu Chính phủ	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	
4	Xã Thạch Long	400	400		- nt -
5	Xã Thành Vinh	400	400		- nt -
6	Xã Thành An	400	400		- nt -
7	Xã Thành Trục	400	400		- nt -
8	Xã Thành Tâm	400	400		- nt -
9	Xã Ngọc Trạo	400	400		- nt -
10	Xã Thạch Đồng	400	400		- nt -
11	Xã Thành Thọ	400	400		- nt -
12	Xã Thành Tiến	400	400		- nt -
V	Huyện Thọ Xuân	7.600	7.600		
1	Xã Xuân Phong	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Thọ Lộc	400	400		- nt -
3	Xã Xuân Khánh	400	400		- nt -
4	Xã Thọ Hải	400	400		- nt -
5	Xã Thọ Lâm	400	400		- nt -
6	Xã Thọ Diên	400	400		- nt -
7	Xã Xuân Phú	400	400		- nt -
8	Xã Xuân Thắng	400	400		- nt -
9	Xã Xuân Sơn	400	400		- nt -
10	Xã Xuân Hưng	400	400		- nt -
11	Xã Thọ Trường	400	400		- nt -
12	Xã Xuân Tân	400	400		- nt -
13	Xã Thọ Thắng	400	400		- nt -
14	Xã Xuân Yên	400	400		- nt -
15	Xã Phú Yên	400	400		- nt -
16	Xã Quảng Phú	400	400		- nt -
17	Xã Thọ Lập	400	400		- nt -
18	Xã Thọ Minh	400	400		- nt -
19	Xã Xuân Thiên	400	400		- nt -
VI	Huyện Ngọc Lặc	3.200	3.200		
1	Xã Đồng Thịnh	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Quang Trung	400	400		- nt -
3	Xã Ngọc Khê	400	400		- nt -
4	Xã Minh Sơn	400	400		- nt -
5	Xã Kiên Thọ	400	400		- nt -
6	Xã Nguyệt Ấn	400	400		- nt -
7	Xã Phùng Minh	400	400		- nt -
8	Xã Cao Ngọc	400	400		- nt -
VII	Huyện Cẩm Thủy	3.200	3.200		
1	Xã Cẩm Thạch	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Cẩm Lương	400	400		- nt -
3	Xã Cẩm Sơn	400	400		- nt -
4	Xã Cẩm Tâm	400	400		- nt -
5	Xã Cẩm Yên	400	400		- nt -
6	Xã Cẩm Phong	400	400		- nt -

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	
7	Xã Cẩm Quý	400	400		- nt -
8	Xã Cẩm Long	400	400		- nt -
VIII	Huyện Đông Sơn	2.000	2.000		
1	Xã Đông Hòa	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Đông Minh	400	400		- nt -
3	Xã Đông Quang	400	400		- nt -
4	Xã Đông Thanh	400	400		- nt -
5	Xã Đông Tiến	400	400		- nt -
IX	Huyện Hà Trung	6.400	6.400		
1	Xã Hà Phú	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Hà Hải	400	400		- nt -
3	Xã Hà Thái	400	400		- nt -
4	Xã Hà Dương	400	400		- nt -
5	Xã Hà Thanh	400	400		- nt -
6	Xã Hà Vinh	400	400		- nt -
7	Xã Hà Bắc	400	400		- nt -
8	Xã Hà Giang	400	400		- nt -
9	Xã Hà Tân	400	400		- nt -
10	Xã Hà Tiến	400	400		- nt -
11	Xã Hà Yên	400	400		- nt -
12	Xã Hà Bình	400	400		- nt -
13	Xã Hà Đông	400	400		- nt -
14	Xã Hà Lâm	400	400		- nt -
15	Xã Hà Phong	400	400		- nt -
16	Xã Hà Ngọc	400	400		- nt -
X	Huyện Triệu Sơn	8.400	8.400		
1	Xã An Nông	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Dân Lực	400	400		- nt -
3	Xã Dân Lý	400	400		- nt -
4	Xã Dân Quyền	400	400		- nt -
5	Xã Hợp Lý	400	400		- nt -
6	Xã Hợp Thắng	400	400		- nt -
7	Xã Hợp Thành	400	400		- nt -
8	Xã Hợp Tiến	400	400		- nt -
9	Xã Khuyến Nông	400	400		- nt -
10	Xã Minh Châu	400	400		- nt -
11	Xã Nông Trường	400	400		- nt -
12	Xã Thọ Cường	400	400		- nt -
13	Xã Thọ Dân	400	400		- nt -
14	Xã Thọ Sơn	400	400		- nt -
15	Xã Thọ Tân	400	400		- nt -
16	Xã Thọ Thế	400	400		- nt -
17	Xã Thọ Tiến	400	400		- nt -
18	Xã Tiến Nông	400	400		- nt -
19	Xã Triệu Thành	400	400		- nt -
20	Xã Xuân Lộc	400	400		- nt -
21	Xã Xuân Thịnh	400	400		- nt -

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			Vốn Trá phiếu Chấp hành	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	
XI	Huyện Vĩnh Lộc	3.200	3.200		
1	Xã Vĩnh Quang	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Vĩnh Long	400	400		- nt -
3	Xã Vĩnh Hưng	400	400		- nt -
4	Xã Vĩnh Phúc	400	400		- nt -
5	Xã Vĩnh Ninh	400	400		- nt -
6	Xã Vĩnh Khang	400	400		- nt -
7	Xã Vĩnh Hòa	400	400		- nt -
8	Xã Vĩnh Hùng	400	400		- nt -
XII	Huyện Nông Cống	8.000	8.000		
1	Xã Tế Thắt	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Công Bình	400	400		- nt -
3	Xã Công Chính	400	400		- nt -
4	Xã Công Liêm	400	400		- nt -
5	Xã Hoàng Sơn	400	400		- nt -
6	Xã Tân Khang	400	400		- nt -
7	Xã Tân Thọ	400	400		- nt -
8	Xã Tế Nông	400	400		- nt -
9	Xã Tế Tân	400	400		- nt -
10	Xã Thăng Bình	400	400		- nt -
11	Xã Thăng Thọ	400	400		- nt -
12	Xã Tân Phúc	400	400		- nt -
13	Xã Minh Khôi	400	400		- nt -
14	Xã Trung Thành	400	400		- nt -
15	Xã Trung Ý	400	400		- nt -
16	Xã Trường Giang	400	400		- nt -
17	Xã Trường Minh	400	400		- nt -
18	Xã Trường Trung	400	400		- nt -
19	Xã Tượng Lĩnh	400	400		- nt -
20	Xã Vạn Thắng	400	400		- nt -
XIII	Huyện Nga Sơn	4.800	4.800		
1	Xã Nga Vịnh	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Nga Thăng	400	400		- nt -
3	Xã Nga Văn	400	400		- nt -
4	Xã Nga Trường	400	400		- nt -
5	Xã Nga Thiện	400	400		- nt -
6	Xã Nga Điền	400	400		- nt -
7	Xã Nga Giáp	400	400		- nt -
8	Xã Nga Nhân	400	400		- nt -
9	Xã Nga Bạch	400	400		- nt -
10	Xã Nga Thanh	400	400		- nt -
11	Xã Nga Liên	400	400		- nt -
12	Xã Nga Thái	400	400		- nt -
XIV	Huyện Hoằng Hóa	4.250	4.250		
1	Xã Hoằng Minh	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Hoằng Xuyên	400	400		- nt -

Số TT	Danh sách xã	Kế hoạch năm 2016			Ghi chú
		Trong đó:			
		Tổng số	Vốn Trại phiếu Chính phủ	Vốn ngân sách tỉnh	
1	2	3	4	5	
3	Xã Hoàng Cát	400	400		- nt -
4	Xã Hoàng Khê	400	400		- nt -
5	Xã Hoàng Hà	400	400		- nt -
6	Xã Hoàng Thái	400	400		- nt -
7	Xã Hoàng Thành	400	400		- nt -
8	Xã Hoàng Trạch	400	400		- nt -
9	Xã Hoàng Tân	400	400		- nt -
10	Xã Hoàng Yên	400	400		- nt -
11	Xã Hoàng Kim	250	250		Năm 2014, 2015 đã nhận 850 trđ, còn lại 250 trđ
XV	Huyện Quảng Xương	1.200	1.200		
1	Xã Quảng Giao	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Quảng Phúc	400	400		- nt -
3	Xã Quảng Khê	400	400		- nt -
XVI	TX. Sầm Sơn	400	400		
1	Xã Quảng Minh	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
XVII	TX. Bỉm Sơn	800	800		
1	Xã Quang Trung	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Hà Lan	400	400		- nt -
XVIII	TP. Thanh Hóa	3.200	3.200		
1	Xã Đông Hưng	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Đông Lĩnh	400	400		- nt -
3	Xã Đông Vinh	400	400		- nt -
4	Xã Hoàng Lý	400	400		- nt -
5	Xã Hoàng Quang	400	400		- nt -
6	Xã Hoàng Đại	400	400		- nt -
7	Xã Quảng Phú	400	400		- nt -
8	Xã Quảng Cát	400	400		- nt -
XIX	Huyện Tĩnh Gia	4.800	4.800		
1	Xã Hải Bình	400	400		Kết hợp với các nguồn lực của địa phương để đầu tư xây dựng các công trình trong đề án xây dựng nông thôn mới được duyệt.
2	Xã Triều Dương	400	400		-nt-
3	Xã Hải Nhân	400	400		-nt-
4	Xã Tùng Lâm	400	400		-nt-
5	Xã Trúc Lâm	400	400		-nt-
6	Xã Định Hải	400	400		-nt-
7	Xã Trường Lâm	400	400		-nt-
8	Xã Nguyên Bình	400	400		-nt-
9	Xã Xuân Lâm	400	400		-nt-
10	Xã Phú Lâm	400	400		-nt-
11	Xã Mai Lâm	400	400		-nt-
12	Xã Hùng Sơn	400	400		-nt-